

Số: 156/QĐ-UBND

Tân Long, ngày 05 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách**  
**6 tháng đầu năm 2024 xã Tân Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN LONG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán thu- chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND xã Tân Long về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã Tân Long năm 2024;

Theo đề nghị của công chức Tài chính - kế toán xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 xã Tân Long (Chi tiết tại các biểu kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính xã và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm;
- Lưu: VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Ly Văn Mão**

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**  
**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

DVT: đồng

Chi tiêu	Dự toán		Năm 2024		So sánh QT/DT	
	NSNN	NSX	NSNN	NSX	NSNN	NSX
1	2	3	4	5	6	7
<b>Tổng thu ngân sách xã</b>	<b>5.667.000.000</b>	<b>5.574.000.000</b>	<b>10.170.301.214</b>	<b>9.894.642.699</b>	<b>179%</b>	<b>178%</b>
<b>I Các khoản thu 100%</b>	<b>36.000.000</b>	<b>36.000.000</b>	<b>98.605.058</b>	<b>17.032.000</b>	<b>274%</b>	<b>47%</b>
1 Phí và lệ phí	26.000.000	26.000.000	17.032.000	17.032.000	66%	66%
<i>Phí chứng thư, chứng thực</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>	<i>10.450.000</i>	<i>10.450.000</i>	<i>52%</i>	<i>52%</i>
<i>Phí môn bài</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>	<i>5.900.000</i>	<i>5.900.000</i>	<i>98%</i>	<i>98%</i>
<i>Phí đăng ký cư trú</i>				-		
<i>Phí hộ tịch</i>		0	682.000	682.000		
2 Thu từ quỹ đất công						
3 Thu đóng góp của nhân dân						
4 Thu khác	10.000.000	10.000.000	81.573.058	-	816%	0%
<i>Thu phạt</i>						
<i>Các khoản thu từ sở hữu tài sản ngoài thuế</i>			80.886.256			
<i>Thu hồi các khoản chi năm trước</i>						
<i>Thu chậm nộp các khoản khác</i>			686.802	-		
<b>II Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>143.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>119.388.302</b>	<b>34.830.469</b>	<b>83%</b>	<b>70%</b>
<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>143.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>119.388.302</b>	<b>34.830.469</b>	<b>83%</b>	<b>70%</b>
1 Thuế thu nhập cá nhân	86.000.000	-	75.675.536	-	88%	
<i>Thuế TNCN từ SXKD</i>	<i>21.000.000</i>		<i>15.200.280</i>		<i>72%</i>	
<i>Thuế TNCN từ CQSD đất</i>	<i>65.000.000</i>		<i>60.475.256</i>		<i>93%</i>	
2 Thu thuế đất trồng cây lâu năm						
3 Thuế sử dụng đất PNN		0	3.081.517	3.081.517		
4 Thuế GTGT	42.000.000	42.000.000	24.855.048	23.860.848	59%	57%
5 Lệ phí trước bạ	15.000.000	8.000.000	15.776.201	7.888.104	105%	99%
Các khoản thu phân chia khác						
<b>III Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV Thu nộp trả ngân sách cấp trên</b>			<b>109.527.624</b>			
<b>V Thu chuyên nguồn năm trước</b>			<b>3.702.130.230</b>	<b>3.702.130.230</b>		
<b>VI Thu kết dư NS năm trước</b>			-	-		
<b>VII Thu bổ sung ngân sách</b>	<b>5.488.000.000</b>	<b>5.488.000.000</b>	<b>6.140.650.000</b>	<b>6.140.650.000</b>		<b>112%</b>
- Thu BS cân đối	5.488.000.000	5.488.000.000	2.748.000.000	2.748.000.000		50%
- Thu BS có mục tiêu			3.392.650.000	3.392.650.000		



**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**  
6 tháng đầu Năm 2024

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi</b>	<b>5.574.000.000</b>		<b>5.574.000.000</b>	<b>3.220.910.359</b>		<b>3.220.910.359</b>	<b>57,8</b>		<b>57,8</b>
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ	740.176.000		740.176.000	389.279.200		389.279.200	52,6		52,6
- Chi dân quân tự vệ	396.522.400		396.522.400	258.419.200		258.419.200	65,2		65,2
- Chi trật tự an toàn xã hội	343.653.600		343.653.600	130.860.000		130.860.000	38,1		38,1
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao									
4. Chi y tế	92.880.000		92.880.000	50.580.000		50.580.000	54,5		54,5
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000						
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	14.050.000		14.050.000	56,2		56,2
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	67.400.000		67.400.000	566.635.630		566.635.630	840,7		840,7
- Giao thông	35.000.000		35.000.000						0,0
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	32.400.000		32.400.000	566.635.630		566.635.630	1748,9		1748,9
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Trong đó: Quỹ lương	4.416.544.000		4.416.544.000	2.175.965.529		2.175.965.529	49,3		49,3
10.1. Quản lý Nhà nước	2.125.096.000		2.125.096.000	1.057.856.779		1.057.856.779	49,8		49,8
10.2. Hội đồng nhân dân	411.015.200		411.015.200	166.449.600		166.449.600	40,5		40,5
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	706.784.400		706.784.400	371.304.350		371.304.350	52,5		52,5
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	424.665.800		424.665.800	164.326.000		164.326.000	38,7		38,7
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản	143.639.000		143.639.000	81.175.000		81.175.000	56,5		56,5
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	156.885.200		156.885.200	85.286.600		85.286.600	54,4		54,4
10.7. Hội Cựu chiến binh	161.783.000		161.783.000	86.163.500		86.163.500	53,3		53,3
10.8. Hội Nông dân	150.691.400		150.691.400	83.713.700		83.713.700	55,6		55,6
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	39.720.000		39.720.000	17.856.000		17.856.000	45,0		45,0
10.10. Hội Người cao tuổi	31.944.000		31.944.000	42.394.000		42.394.000	132,7		132,7
10.11. Hội khuyến học	21.440.000		21.440.000	9.720.000		9.720.000	45,3		45,3
10.12. Hội da cam, người mù	42.880.000		42.880.000	9.720.000		9.720.000	22,7		22,7
10.13. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
<b>11. Chi cho công tác xã hội</b>	<b>46.000.000</b>		<b>46.000.000</b>	<b>18.000.000</b>		<b>18.000.000</b>	<b>39,1</b>		<b>39,1</b>
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ	36.000.000		36.000.000	18.000.000		18.000.000	50,0		50,0
- Trẻ mồ côi, người già không có người chăm sóc									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác	10.000.000		10.000.000						
<b>12. Dự phòng</b>	<b>77.000.000</b>		<b>77.000.000</b>						
<b>13. Tiết kiệm chi 10%</b>	<b>74.000.000</b>		<b>74.000.000</b>						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách									

## BÁO CÁO

### Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Xã Tân Long 6 tháng đầu năm 2024

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 5596/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đồng Hỷ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số: 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Tân Long về dự toán thu- chi ngân sách xã Tân Long năm 2023,

UBND xã Tân Long thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Tân Long 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

#### **1. Thu ngân sách:**

- Thu ngân sách nhà nước: 217.993.360đ/KH 179.000.000đ đạt 121% dự toán năm.

- Tổng thu ngân sách xã: 9.894.642.699đ/KH 5.574.000.000đ đạt 178% dự toán năm. Trong đó:

+ Các khoản thu xã hưởng 100%: 17.032.000đ/KH 36.000.000đ đạt 47% dự toán năm.

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 34.830.469đ/KH 143.000.000đ đạt 70% dự toán năm.

Một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như Lệ phí trước bạ đạt 105% với dự toán giao...

#### **2. Chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách: 3.220.910.359đ/KH 5.574.000.000đ bằng 57,8% dự toán năm. Trong đó:

- Chi thường xuyên: 3.220.910.359đ/KH 5.423.000.000đ bằng 59,4% dự toán năm.

### 3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách:

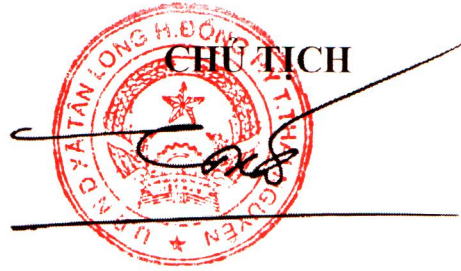
UBND xã Tân Long đã xây dựng dự toán ngân sách năm 2024 theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và đã được HĐND xã Quyết nghị, được cơ quan cấp trên có thẩm quyền thẩm định dự toán trước khi ban hành thực hiện.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 xã đã thực hiện tốt các chỉ tiêu thu, thu đảm bảo kế hoạch đã đề ra. Chi ngân sách luôn kịp thời, đảm bảo chi đúng chế độ, đúng quy định của luật ngân sách nhà nước.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách xã Tân Long 6 tháng đầu năm 2024./.

#### Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính- KH;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Các đoàn thể, tổ chức CTXH;
- Lưu VP, KTNS;



**Lý Văn Mão**